TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 570/2019/HC-PT
Ngày 20 - 8 - 2019
V/v: Kiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Các Thẩm phán: Ông Phan Đức Phương

Ông Phạm Trung Tuấn

- Thư ký phiên toà: Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Đoạn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 661/2018/TLPT-HC ngày 23 tháng 11 năm 2018 về việc: *"Khởi kiện Quyết định số 4978/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện Châu Đ về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa hộ bà Huỳnh Kim S với hộ bà Phan Thị L tại xã Kim L, huyện Châu Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu"*. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 46/2018/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 505/2019/QĐPT-HC ngày 18 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Phan Thị L, sinh năm 1946 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 9, thôn Lạc L, xã Kim L, huyện Châu Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1973. (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 9, thôn Lạc L, xã Kim L, huyện Châu Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Trương Thị H – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt)

*Người bị kiện***:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Đ (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND huyện Châu Đ: Ông Lê Văn D- Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có mặt)

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan***:** Bà Huỳnh Kim S, sinh năm 1947.

Người đại diện theo ủy quyền của bà S: Ông Nguyễn Bảo Lộc (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 9, thôn Lạc L, xã Kim L, huyện Châu Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 05/10/2017, Chủ tịch UBND huyện Châu Đ ban hành Quyết định số 4978/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa hộ bà Huỳnh Kim S với hộ bà Phan Thị L tại xã Kim L, huyện Châu Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, theo đó có nội dung:

"Công nhận cho hộ bà Huỳnh Kim S được quyền sử dụng phần diện tích 51,1m^2 thuộc một phần diện tích thửa đất số 617 tờ bản đồ địa chính số 43 xã Kim L theo Sơ đồ vị trí do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Đ trích đo ký xác nhận ngày 24/7/2017.

Bác yêu cầu của hộ bà Phan Thị L xin công nhận quyền sử dụng đối với phần diện tích 22,4m^2 thuộc một phần diện tích thửa đất số 617 tờ bản đồ địa chính số 43 xã Kim L theo Sơ đồ vị trí do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Đ trích đo ký xác nhận ngày 24/7/2017".

Ngày 03/5/2018, bà L có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định số 4978/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của Chủ tịch UBND huyện Châu Đ về phần diện tích đất 22,4m^2.

Theo đơn khởi kiện cũng như quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền thống nhất trình bày:

Sau giải phóng năm 1976, gia đình ông Phạm Tấn Lợi, bà Phan Thị L có khai phá và sử dụng diện tích khoảng 02ha làm rẫy (theo hồ sơ địa chính là thửa đất số 380 tờ bản đồ địa chính số 9 khu 1A-2A xã Kim L), việc khai phá cũng như quá trình sử dụng không có giấy tờ gì.

Năm 1982, gia đình bà L chuyển nhượng cho vợ chồng ông, bà Nguyễn Văn R và Huỳnh Kim S một phần diện tích đất nêu trên, diện tích 16m^2 (4mx4m), phần này giáp Quốc lộ 56. Sau khi nhận chuyển nhượng, gia đình bà S làm một chòi lá để bán than.

Việc chuyển nhượng cho bà S không có giấy tờ gì, chỉ nói miệng nhưng có nhiều người chứng kiến, tuy nhiên hiện nay một số người đã chết như ông Đoàn Văn T (Trưởng ban quản lý chợ Kim Long), ông Nguyễn Hồng L (Trưởng ban sản xuất thôn K), ông Trần Văn S. Một số người còn sống như ông Đặng Ngọc L, bà Nguyễn Thị R, ông Huỳnh Ngọc T- những người này đều xác nhận nguồn gốc đất là của gia đình bà L.

Sau khi chuyển nhượng cho gia đình bà S, gia đình bà L tiếp tục chuyển

nhượng cho gia đình bà Chín H (không nhớ rõ họ tên, địa chỉ, bà H hiện đã chết) diện tích đất 16m^2 (4mx4m), phần này giáp Quốc lộ 56, việc chuyển nhượng không có giấy tờ gì, diện tích đất chuyển nhượng này cách phần đất gia đình bà L đã chuyển nhượng cho gia đình bà S khoảng 4m, vì bà Chín H nói không muốn ở gần nhà gia đình bà S. Bà Chín H sử dụng làm nhà lá để bán cam, thuốc lá.

Sau khi chuyển nhượng cho gia đình bà S và bà Chín H, diện tích đất khai phá còn lại để trống, gia đình bà L không ở trên đất mà ở trên phần diện tích đất khác cách diện tích đất khai phá khoảng 100m.

Quá trình sử dụng, bà Chín H có xin sử dụng nhờ phần đất trống bên cạnh giáp phần đất đã chuyển nhượng cho bà S để đựng thuốc lá, một thời gian thì bà Chín H không sử dụng phần đất mượn của bà L nữa.

Sau đó, năm 1989 thấy gia đình bà S tháo dỡ nhà lá, dựng lại nhà lá lấn sang phần đất trống (khoảng trống giữa phần đất bà S và bà Chín H) của gia đình bà L, nhưng lúc này bà L không có ý kiến gì mà vẫn cho ở.

Năm 1990, bà Chín H (đứng tên con Phan Ngọc T) có làm đơn trả lại đất cho gia đình bà L.

Quá trình quản lý, sử dụng đến năm 1992, ông Phạm Tấn L được UBND xã Kim L, huyện Châu T cấp "giấy chứng nhận sở hữu chủ" đối với diện tích 02ha tọa lạc tại ấp Lạc Long, xã Kim L, huyện Châu T. Tứ cận: Đông giáp Lộ 2, Tây giáp Suối; Nam giáp đất bà G, Nam giáp đất ông Ba Y. Ngoài giấy tờ này, thì gia đình bà L không có giấy tờ nào khác về đất đai.

Năm 1998, 1999 bà L nhiều lần làm đơn khiếu nại về việc bà S lấn đất gửi UBND xã Kim L. Bà L không thấy văn bản trả lời của UBND xã Kim L, bà L lên hỏi UBND xã Kim L thì UBND xã Kim L không có văn bản gì giao cho bà L mà chỉ có trả lời bằng miệng là đất hành lang lộ giới giao thông, nên bà L không có ý kiến gì.

Năm 2005, bà S phá bỏ nhà lá, xây dựng nhà cấp 4 như hiện nay. Do nhà nước nói rằng đất hành lang lộ giới Quốc lộ 56, nên khi đó gia đình bà L không có ý kiến gì.

Năm 2005, nhà nước thu hồi mở rộng đường Quốc lộ 56 có thu hồi một phần đất của gia đình bà L, bà S. Bà L đã được bồi thường và đã nhận tiền bồi thường. Đối với phần đất thu hồi, bồi thường cho bà S thì bà L cũng không khiếu nại, mà chỉ khiếu nại tranh chấp đất đai với bà S.

Năm 2016, Nhà nước có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho các hộ dân đối với phần đất lộ giới mà nhà nước chưa thu hồi, bà L có làm đơn yêu cầu không cấp giấy cho bà S đối với phần đất đang tranh chấp vì bà S đã lấn của bà L 4m ngang.

Do vậy, bà S có đơn tranh chấp đất với bà L, yêu cầu nhà nước công nhận quyền sử dụng diện tích đất 51,1m^2 cho gia đình bà S.

Quyết định số 4978/QĐ-UBND giải quyết tranh chấp đất đai, theo đó công

nhận cho bà S được sử dụng diện tích đất 51,1m^2 là không có căn cứ, vì: Diện tích đất chuyển nhượng chỉ có 16m^2 (4mx4m), không có giấy tờ chứng minh về việc chuyển nhượng diện tích 4mx4m, nhưng có nhân chứng xác nhận, bà S cũng không có giấy tờ chứng minh diện tích đất nhận chuyển nhượng lớn hơn diện tích đất 4mx4m như hiện nay đang sử dụng xin cấp giấy.

Theo Văn bản ý kiến số 2029/UBND-TNMT ngày 10/7/2018 của UBND huyện Châu Đ, cũng như trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

1. Về thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai của Chủ tịch UBND huyện Châu Đ là đúng vì:

- Phần diện tích mà gia đình bà S và gia đình bà L đang tranh chấp thuộc một phần diện tích thửa 617, tờ bản đồ số 43 xã Kim L chưa được cấp Giấy chứng nhận và các bên không có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai.

- Bà S đã có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất, được UBND xã Kim L tổ chức hòa giải nhưng không thành. Đồng thời qua quá trình làm việc, bà S và bà L đều yêu cầu UBND huyện Châu Đ xem xét giải quyết việc tranh chấp về quyền sử dụng đất, không tranh chấp quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Do đó, việc giải quyết tranh chấp về quyền sử dụng đất giữa gia đình bà S và gia đình bà L thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND huyện Châu Đ theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 203 của Luật Đất đai.

2. Về nội dung:

- Tại Biên bản làm việc ngày 11/4/2017 với bà S, bà S xác nhận: Nguồn gốc sử dụng phần đất đang tranh chấp là do gia đình bà S nhận chuyển nhượng của hộ bà Phan Thị L (chồng là ông Phạm Tấn Lợi) từ năm 1979, giá trị chuyển nhượng là 02 chỉ vàng; việc mua bán không có giấy tờ chứng minh. Diện tích đất chuyển nhượng là từ mép đường Quốc lộ 56 (cũ) đến hết vị trí căn nhà của bà S hiện nay.

- Theo Hồ sơ địa chính qua các thời kỳ, thể hiện:

+ Theo bản đồ địa chính đo đạc lập năm 1992: Phần diện tích đất tranh chấp 22,4m^2 là một phần trong tổng diện tích 140m^2 thuộc thửa đất số 380 tờ bản đồ địa chính số 9 khu 1A-2A xã Kim L.

+ Theo Sổ mục kê năm 1992: Thể hiện tên chủ sử dụng thửa đất số 380 tờ bản đồ địa chính số 9 khu 1A-2A xã Kim L là ông Nguyễn Văn R (chồng của bà Huỳnh Kim S).

Qua kiểm tra Sổ địa chính và Sổ mục kê năm 1992 thì không có tên ông Nguyễn Văn R (do chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

- Theo Hồ sơ địa chính năm 1999:

+ Theo bản đồ địa chính năm 1999: Phần diện tích đất tranh chấp thuộc một phần trong tổng diện tích 160m^2 thuộc thửa đất số 391-1 tờ bản đồ địa chính số 43-1 xã Kim L, nằm trong hành lang lộ giới Quốc lộ 56.

+ Sổ mục kê năm 1999 không thể hiện tên chủ sử dụng thửa đất này do đất nằm trong hành lang đường giao thông.

- Theo Hồ sơ địa chính năm 2004:

+ Theo bản đồ địa chính năm 2004: Phần diện tích đất tranh chấp thuộc một phần trong tổng diện tích 152m^2 thuộc thửa đất số 617 tờ bản đồ địa chính số 43-1 xã Kim L.

+ Sổ mục kê năm 2004 không thể hiện tên chủ sử dụng thửa đất này.

- Theo Hồ sơ địa chính năm 2009:

+ Theo bản đồ địa chính năm 2009 diện tích đất tranh chấp 51,1m^2 nằm một phần trong tổng diện tích 151,5m^2 thuộc thửa đất số 617 tờ bản đồ địa chính số 43-1 xã Kim L.

+ Sổ mục kê năm 2009 không thể hiện tên chủ sử dụng thửa đất này.

- Khi lập bản đồ qua các thời kỳ từ năm 1999 đến 2009, thì diện tích đất tranh chấp nằm trong lộ giới Quốc lộ 56, nên nhà nước không tổ chức cho các hộ dân kê khai đăng ký để cấp giấy.

- Về hiện trạng đất tranh chấp: Phần diện tích đất bà S tranh chấp là 51,1m^2 thuộc một phần thửa số 617 tờ bản đồ địa chính số 43-1 xã Kim L. Hiện trạng trên toàn bộ diện tích đất này là căn nhà cấp 4 do gia đình bà S đang trực tiếp, sinh sống ổn định sử dụng. Trong đó bà L tranh chấp phần diện tích 22,4m^2 (ngang 4mx dài 5,6m), trên có một phần căn nhà của bà S.

- Ngoài phần đất bà L đang tranh chấp với bà S tại ấp Lạc Long, xã Kim L, gia đình bà L còn đang sử dụng 02 thửa đất khác, gồm:

+ Thửa 381/16.658 m^2 theo Sổ mục kê 1992 thì thửa đất này không đứng tên người kê khai đăng ký (để trống). Năm 1999, sau khi đo đạc lập bộ hồ sơ địa chính thể hiện thửa đất trên là thửa 312/17.2500m^2 đứng tên bà Phan Thị L kê khai đăng ký và đã được cấp giấy theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 330411 ngày 05/12/2001.

+ Thửa đất số 617/60,4m^2 tờ bản đồ địa chính số 43-1 xã Kim L nằm ở phía sau diện tích đất bà L đang tranh chấp. Thửa đất này bà L không kê khai đăng ký, chưa được cấp giấy.

- Về xác minh sử dụng đất theo lời khai các nhân chứng của hai bên:

- Các nhân chứng bên bà L có bà Nguyễn Thị R, ông Đặng Ngọc L, ông Huỳnh Ngọc T xác nhận: Bà L có bán đất cho bà S năm 1979, nghe nói diện tích bán là 04m ngang.

- Các nhân chứng bên bà S có ông Trừ Thế L, ông Huỳnh Ngọc L xác nhận: Bà S có căn nhà trên đất đang tranh chấp vào khoảng năm 1979.

- Năm 2004, nhà nước thu hồi đất để mở rộng Quốc lộ 56, có thu hồi diện tích 50,6m^2 của hộ ông Nguyễn Văn R. Phần diện tích đất này tiếp giáp mặt đường Quốc lộ 56 và tiếp giáp diện tích đất đang tranh chấp. Theo Quyết định số 2911/QĐ.UB ngày 19/8/2005 của UBND huyện thì gia đình bà Huỳnh Kim S được nhận kinh phí bồi thường, hỗ trợ với số tiền là 214.172.200đ, khi đó gia đình bà L không có khiếu nại gì.

Như vậy, căn cứ về nguồn gốc, quá trình chuyển nhượng, quá trình quản lý sử dụng, thực tế diện tích đất các bên đang sử dụng thì Chủ tịch UBND huyện Châu Đ ban hành Quyết định số 4978/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa hộ bà Huỳnh Kim S với hộ bà Phan Thị L tại xã Kim L, huyện Châu Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, theo đó công nhận cho bà S diện tích 51,1m^2 là có cơ sở theo quy định tại điểm a,b khoản 1 Điều 91 Nghị định 43/2014/NĐCP.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Kim S trình bày:

Năm 1979, bà S có nhận chuyển nhượng của gia đình ông L, bà L một nền đất mục đích làm nhà ở, khi đó ông L có chỉ ranh, hai bên mua bán không có giấy tờ gì. Sau khi nhận chuyển nhượng, năm 1979 bà S làm nhà vách lá, mái lá ngang 9m, dài khoảng 6 đến 7m. Khi bà S làm nhà, không có ai ý kiến gì kể cả ông L, bà L.

Sau đó một thời gian, bà S thấy gia đình bà L có bán cho bà Chín H 01 nền đất sát nhà đất của bà S.

Khoảng vài năm sau, bà S sửa chữa lại nhà mái lá, vách ván và sinh sống ổn định. Cho đến năm 2005, để mở rộng Quốc lộ 56, nhà nước có thu hồi một phần diện tích đất phía trước ngang 9,1m, bà S đã nhận tiền bồi thường cũng không có ai tranh chấp. Sau khi thu hồi, bà S xây sửa lại thành nhà cấp 4, tường gạch, mái ngói, cũng không ai tranh chấp.

Bà S đồng ý với Quyết định số 4978/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của Chủ tịch UBND huyện Châu Đ.

Ngoài phần diện tích đất tranh chấp thì bà Huỳnh Kim S không còn đất canh tác hay đất ở, nhà ở nào khác tại khu vực này.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 46/2018/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2018, Toà án nhân dân tỉnh Vũng Tàu đã quyết định:

Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 91 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị L yêu cầu hủy một phần Quyết định số 4978/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của Chủ tịch UBND huyện Châu Đ về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ bà Huỳnh Kim S với hộ bà Phan Thị L, về phần diện tích 22,4m^2 thuộc một phần diện tích thửa đất số 617 tờ bản đồ địa chính số 43 xã Kim L, theo Sơ đồ vị trí do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Đ trích đo ký xác nhận ngày 24/7/ 2017.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm người khởi kiện bà Phan Thị L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm đại diện theo uỷ quyền của bà L vẫn giữa nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu huỷ Quyết định số 4978/QĐ-UBND (gọi tắt là Quyết định 4978) ngày 05/10/2017 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Châu Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Chủ tịch UBND huyện Châu Đ).

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho bà L phát biểu: Đề nghị hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm huỷ Quyết định 4978 với lý do: Trên phần đất có căn nhà, mặc dù người khởi kiện không tranh chấp tài sản, nhưng vẫn thuộc thẩm quyền giải quyết của toà án. Các bên đương sự đều thừa nhận phần đất này do chuyển nhượng mà có, tuy nhiên các bên không thống nhất diện tích chuyển nhượng, cho nên thực chất các bên tranh chấp là tranh chấp diện tích chuyển nhượng là bao nhiêu. Có giấy xác nhận chủ sở hữu do UBND xã Kim L xác nhận vào năm 1992, nên đất được xem là có giấy tờ hợp lệ được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho người bị kiện cho rằng việc UBND huyện Châu Đ giải quyết là đúng quy định tại khoản 2, 3 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013 vì họ không tranh chấp về tài sản trên đất. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa phát biểu: Chủ tọa phiên tòa và các thành viên hội đồng xét xử, cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng quy định pháp luật của luật tố tụng hành chính. Về nội dung kháng cáo của người khởi kiện không có căn cứ chấp nhận, nên đề nghị bác yêu cầu kháng cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm vấn tại phiên toà, qua phần tranh luận, nghe lời phát biểu của các luật sư, đại diện Viện kiểm sát.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay người bị kiện đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, hội đồng xét xử áp dụng Điều 158 Luật tố tụng hành chính xét xử vắng mặt người bị kiện.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện: Việc Toà án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện trong vụ án này là Quyết định số 4978/QĐ-UBND (gọi tắt là Quyết định số 4978) ngày 05/10/2017 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Châu Đ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (Chủ tịch UBND huyện Châu Đ) là đúng quy định tại Điều 30 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về thẩm quyền: Theo Điều 32 Luật tố tụng hành chính, người khởi kiện khởi kiện vụ án hành chính đối với Quyết định trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà hành chính Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

[3] Về thời hiệu: Ngày 05/10/2017 Chủ tịch UBND huyện Châu Đ ban hành Quyết định số 4978/QĐ-UB. Ngày 03/5/2018 bà Phan Thị L có đơn khởi kiện tại Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu yêu cầu huỷ Quyết định số 4978/QĐ-UBND. Căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015 thì yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị L vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về tính hợp pháp của Quyết định trên.

+ Về hình thức của Quyết định số 4978/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Châu Đ. Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Phan Thị L cho rằng năm 1976 gia đình bà có khai phá và sử dụng diện tích khoảng 02 ha đất làm rẫy (theo sơ đồ địa chính là thửa đất số 380 tờ bản đồ số 9 khu 1A-2A xã Kim L) và có giấy xác nhận sở hữu chủ cho ông Phạm Tấn Lợi (chồng bà L) do UBND xã Kim L, huyện Châu T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xác nhận. Năm 1982 gia đình bà L chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn Văn R, bà Huỳnh Kim S một phần diện tích đất trên là 16 m^2. Do đó, xem như đất có giấy tờ theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai. UBND huyện Châu Đ cho rằng do diện tích đất tại thửa 617, tờ bản đồ số 43 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND huyện Châu Đ là không đúng mà thuộc khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ngoài ra theo hồ sơ thể hiện trên phần đất mà bà L tranh chấp với bà Huỳnh Kim S có căn nhà của bà S và các con của bà S trên phần đất này. Mặc dù, UBND huyện Châu Đ cho rằng bà L không có tranh chấp về quyền sở hữu nhà trên đất. Nhưng xét thấy khi giải quyết việc tranh chấp trên phải kéo theo hệ quả là phải xem xét cả tài sản gắn liền với phần đất trên. Nên không thể nói rằng họ không tranh chấp tài sản trên đất thì thuộc quy định tại khoản 2,3 Điều 203 Luật Đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND huyện Châu Đ.

Như đã phân tích trên việc giải quyết tranh chấp đất giữa bà L và bà S không thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện Châu Đ mà thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân. Do đó, hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L, huỷ Quyết định số 4978/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của Chủ tịch UBND huyện Châu Đ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

[3] Về án phí:

Do được chấp nhận yêu cầu khởi kiện, nên bà Phan Thị L không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Do bản án sơ thẩm bị sửa, nên bà Phan Thị L không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện bà Phan Thị L. Sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 30; Điều 32; Điều 116: Điều 118, Điều 164; Điều 193 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Pháp lệnh án phí Toà án, Nghị Quyết 326/NQTVQH14.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện Phan Thị L.

Huỷ Quyết định số 4978/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Châu Đ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ bà Huỳnh Kim S với hộ bà Phan Thị L, về phần diện tích 22,4 m^2 thuộc một phần diện tích thuộc thửa 617, tờ bản đồ địa chính số 43 xã Kim L, theo sơ đồ vị trí do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Đ trích đo ký xác nhận ngày 24/7/2017.

2/ Về án phí:

Bà Phan Thị L không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu: VP (4), HS (2) 16b (MTTT)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Huỳnh Thanh Duyên